

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/7/2022

Về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dũng
2. Bà Hà Thị Kim Thu

- Thư ký ghi biên bản: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất: tham gia phiên tòa có ông Nguyễn Thế Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Gia H, sinh năm 2001 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tà Lóc, xã SK, huyện H Đ, tỉnh KG

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Bé B, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Nguyễn Văn Hanh, xã MT, huyện HĐ, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn xin ly hôn, chị Bùi Thị Gia H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Bé B quen biết, tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2020, hai bên có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị sinh được 01 người con chung tên Bùi Thị Ngọc Châu, sinh ngày 13/9/2021.

Về mâu thuẫn gia đình: Sau khi kết hôn vợ chồng sống không có hạnh phúc do anh B không quan tâm đến vợ, nhiều lần đánh vợ vô cớ nên chị bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ đầu năm 2021 cho đến nay.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Trần Văn Bé B*: Anh B đã được thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tham gia tố tụng khác nhưng anh B không có mặt theo các Thông báo của Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về nội dung yêu cầu xin ly hôn của chị H nên không có lời khai của anh B tại Tòa.

Tại phiên tòa: Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và nuôi con của mình, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

* *Vị đại diện VKS phát biểu quan điểm*:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về *quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Chị Bùi Thị Gia H khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Văn Bé B. Phía bị đơn cư trú tại ấp Tà Lóc, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về *thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Trần Văn Bé B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[3]. Xét về *quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị Gia H và anh Trần Văn Bé B kết hôn là do tự nguyện yêu thương và đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/9/2020 là đúng quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, dẫn đến việc hai bên sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Chị H và anh B hiện tại đang sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau hơn 01 năm nay. Trong thời gian thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời các bên tham gia phiên hòa giải nhưng anh B cố tình không đến tham dự, chứng tỏ anh B cũng không có thiện chí muốn hòa giải với chị H nên khả năng đoàn tụ gia đình giữa anh chị không có. Như vậy, HĐXX có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[4]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Bùi Thị Ngọc Châu, sinh ngày 13/9/2021. Hiện nay cháu còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H xin rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát; chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị Bùi Thị Gia H.

[6]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 227, 228 266 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bùi Thị Gia H được ly hôn với anh Trần Văn Bé B.
2. Về con chung:

- Giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Bùi Thị Ngọc Châu, sinh ngày 13/9/2021 đến khi con đủ 18 tuổi.

Trong thời gian chị H nuôi dưỡng con chung, anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha (mẹ) các cháu hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Đình chỉ yêu cầu của chị Bùi Thị Gia H đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Bùi Thị Gia H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0007795 ngày 06 tháng 4 năm 2022. Chị H không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Trần Văn Bé B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Mỹ Thuận;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc